

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỆT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2018/HSST
Ngày 02/02/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT- TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tiến Dũng- Cán bộ hưu trí phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Nguyễn Thị Bình- Cán bộ hưu trí phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/HSST, ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN V (Đ)**- Sinh năm 1994; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông: Trần Văn H và bà Ngô Thị L; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N và có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Nguyễn Đình H - Sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

01. Bà Nguyễn Thị N- Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

02. Anh Nguyễn Minh N - Sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Người làm chứng:

01. Chị Trần Thị Hoài P- Sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Liên gia A, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

02. Anh Lê Hoài P- Sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 18/10/2017, Trần Văn V thuê phòng tại nhà nghỉ T, địa chỉ đường P, phường T, thành phố B do anh Lê Hoài P làm chủ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, do có công việc và biết V là khách thường xuyên đến thuê nhà nghỉ nên anh P nhờ V khi nào có khách đến thuê phòng thì dẫn khách lên phòng. Khoảng 30 phút sau có anh Nguyễn Đình H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám đen, biển kiểm soát XXX, chở chị Trần Thị Hoài P đến thuê phòng tại nhà nghỉ T. Lúc này, V đi từ phòng số 2 ra và hỏi anh H, chị P có mang theo chứng minh nhân dân không nhưng anh H, chị P không có nên V yêu cầu anh H, chị P phải đưa tiền thuê phòng trước. Anh H đồng ý và đưa cho V 50.000 đồng. V chỉ anh H, chị P lên phòng số 9 của nhà nghỉ, anh H dựng chiếc xe mô tô biển số XXX trước phòng số 2 rồi lên phòng số 9. Sau đó, V đi đến vị trí chiếc xe mô tô của anh H, dắt vào phía trong hành lang thì phát hiện chiếc xe mô tô không khóa cốp xe. V liền mở cốp xe ra tìm tài sản bên trong để lấy trộm thì thấy có 01 chiếc chìa khóa xe. Lúc này V nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh H. V đã lấy chìa khóa xe cắm vào ổ khóa điện rồi nổ máy, điều khiển xe mô tô đi ra khỏi nhà nghỉ. Sau khi trộm cắp chiếc xe mô tô, V điều khiển xe chạy đến địa bàn xã E, thành phố B, thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra giấy tờ. Do không có giấy tờ xe và sợ bị phát hiện việc trộm cắp chiếc xe mô tô này nên V đã rút chìa khóa xe giấu trong người, để lại chiếc xe mô tô rồi tẩu thoát. Sau đó, hành vi của V bị phát hiện, xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 286/KLĐG ngày 10 tháng 11 năm 2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn xám đen, biển kiểm soát XXX, trị giá: 32.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 29/KSĐT- HS, ngày 11/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn V khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn V như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Văn V mức án từ 18 đến 24 tháng tù;

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn xám đen, biển kiểm soát XXX cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị N.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 18/10/2017, tại nhà nghỉ T, địa chỉ đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Trần Văn V đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Đình H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám đen, biển kiểm soát XXX, trị giá 32.500.000 đ. Do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...”

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu

đến tình hình trật tự, trị an của xã hội. Bị cáo nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm minh. Tuy nhiên bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra; và xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[4] **Về xử lý vật chứng:** Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn xám đen, biển kiểm soát XXX và 01 chiếc chìa khóa có chữ “Honda”, màu đen cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị N.

[5] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/11/2017.

* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn xám đen, biển kiểm soát XXX và 01 chiếc chìa khóa có chữ “Honda”, màu đen cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị N.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương